

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Năm 2022

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TPHCM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301986393
- Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 91.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 451/10 Tô Hiến Thành P14, Q10, TPHCM
- Số điện thoại : 08 38533496
- Số fax : 08 38533496
- Website: www.caupha.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): HFB

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển :
 - + Ngày thành lập : 02/6/2000.

Tiền thân Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh là Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 12/05/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV vào ngày 01/10/2010. Trước đó Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố được thành lập theo Quyết định số 7656/QĐ-UB-KT ngày 15/12/1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở tách chức năng quản lý, duy tu cầu và chức năng quản lý vận hành phà từ Công ty Quản lý Công trình Giao thông Sài Gòn (được thành lập theo Quyết định số 6590/QĐ-UB-KT ngày 19/11/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố) - nay là Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố là công ty công ích trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ quản lý và duy tu hệ thống cầu – phà trên địa bàn thành phố theo phân cấp quản lý và thực hiện một số hoạt động sản xuất kinh doanh khác trong hoạt động xây dựng công trình giao thông và chính thức hoạt động từ ngày 02/06/2000.

- + Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:
 - 02/06/2000 : Công Ty Quản Lý Công Trình Cầu Phà Thành Phố
 - 01/10/2010 : Công Ty TNHH MTV Công Trình Cầu phà TPHCM

- 04/05/2016 : Công Ty Cổ Phần Công Trình Cầu Phà TPHCM

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu : Duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu, phà của thành phố Hồ Chí Minh. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà, duy tu bờ kè, thi công lắp đặt công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng và công nghiệp.

- Địa bàn kinh doanh : Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bến Tre, Đồng Tháp...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông và bộ máy quản trị bao gồm : Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

1. Đại hội đồng cổ đông

2. Hội đồng quản trị

3. Ban kiểm soát

4. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

5. Các phòng nghiệp vụ:

- Phòng Kinh doanh

- Phòng Kế toán tài chính

- Phòng Hành chính nhân sự

- Phòng Chất lượng và thiết bị

6. Các xí nghiệp trực thuộc : 10 xí nghiệp hạch toán phụ thuộc, báo sổ trực thuộc công ty

- Các công ty con, công ty liên kết: 01 công ty con.

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Công trình Cầu Phà:

+ Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng); Trong đó công ty Cổ phần Công trình Cầu phà TP HCM góp 65% vốn.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 03114571452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14/8/2017.

4. Định hướng phát triển:

1. Về sản phẩm và thị trường.

a. Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh để điều chỉnh cơ cấu doanh thu – lợi nhuận giữa các sản phẩm có doanh thu để giảm đến mức tối thiểu sự phụ thuộc vào sản phẩm dịch vụ công ích. Nghiên cứu tiếp cận các sản phẩm dịch vụ công ích có liên quan đến công tác bảo trì các tuyến Metro của thành phố, các tuyến cao tốc trong khu vực để tham gia.

b. Tập trung cải tiến quy trình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn để tạo thế mạnh cạnh tranh. Mở rộng thị trường bằng cách tham gia đấu thầu các gói thầu sản phẩm dịch vụ công ích các quận huyện tỉnh thành khác và các lĩnh vực khác như cây xanh, thoát nước trên nguyên tắc hợp tác, liên danh, liên kết với các doanh nghiệp chuyên ngành khác. Phân đấu đến năm 2025, tham gia và trúng thầu thực hiện một số gói sản phẩm dịch vụ công ích ở thị trường mới hoặc sản phẩm mới. Hợp tác với các tổ chức khoa học, công nghệ, các công ty nước ngoài thí điểm áp dụng công nghệ, vật liệu mới trong lĩnh vực duy tu, bảo trì, sửa chữa, thi công các công trình. Phân đấu đến năm 2025, có ít nhất 01 sản phẩm mới đưa vào áp dụng thí điểm và cơ bản hoàn thành các thủ tục pháp lý (quy trình, định mức, đơn giá.v.v) để ứng dụng cho công tác bảo trì, sửa chữa công trình trên địa bàn thành phố. Đầu tư các trang thiết bị máy móc phục vụ công tác duy tu, sửa chữa cầu.

c. Thi công xây dựng công trình:

- Giai đoạn 2021-2025: đủ năng lực kỹ thuật để thi công công trình giao thông cấp II giá trị trên 100 tỷ đồng; Đến năm 2025 doanh thu đạt trên 500 tỷ đồng/năm;

- Về sản phẩm xây dựng: Công trình giao thông, bờ kè, cầu cảng là các sản phẩm xây dựng chủ yếu được ưu tiên của công ty giai đoạn 2021-2025.

- Về thị trường: Ưu tiên tham gia dự thầu các dự án do Sở Giao thông vận tải, UBND Quận huyện trên địa bàn thành phố làm chủ đầu tư. Tiếp tục tạo điều kiện để các đơn vị mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận, các chủ đầu tư trong và ngoài nước.

d. Tiếp tục nghiên cứu, tham gia các dự án theo hình thức đối tác công - tư, các dự án có vốn góp của HFIC và các đối tác tin cậy; Nghiên cứu thị trường để phát triển lĩnh vực vật liệu xây dựng.

e. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư xe máy- thiết bị phục vụ thi công để đảm bảo yêu cầu sản xuất. Xây dựng mô hình quản lý xe máy thiết bị để quản lý hiệu quả tài sản công ty.

2. Về tổ chức sản xuất: Trong giai đoạn 2021 – 2025 tiếp tục áp dụng mô hình tổ chức các xí nghiệp trực thuộc, các ban điều hành công trình cấp công ty và các công ty con thực hiện các gói thầu thi công công trình và sản phẩm dịch vụ công ích để tận dụng tối đa nguồn lực. Tiếp tục áp dụng mô hình khoán các chỉ tiêu kế hoạch và khoán trọn gói đối với các đơn vị trực thuộc.

3. Về tổ chức quản lý: Xây dựng hệ thống quản lý hiện đại, áp dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của công ty. Tổ chức lại, tinh gọn bộ máy các phòng nghiệp vụ. Bằng mọi giải pháp đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế.

Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân,...

Các sản phẩm kinh doanh (dịch vụ công ích, xây dựng công trình ...) của công ty phần lớn là các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước, do đó, chủ trương và nguồn tài chính công ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu – lợi nhuận của doanh nghiệp.

5.2 Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Trong đó nhiều chính sách mang tính đặc thù như các quy định về sản phẩm dịch vụ công ích, quy định chuyên ngành xây dựng, giao thông. Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

5.3 Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro đặc thù trong hoạt động sản xuất

Hoạt động xây dựng, thi công công trình là một trong những hoạt động có rủi ro về tai nạn lao động. Sự cố có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu các quy trình, quy định về an toàn lao động – bảo hộ lao động không được thực hiện nghiêm túc hoặc do có sự bất cẩn của con người. Trong điều kiện đặc thù của các công trình giao thông (vừa thi công vừa đảm bảo giao thông) thì khả năng xảy ra sự cố càng lớn. Do đó, việc phân tích, quản lý rủi ro này bằng nhiều biện pháp trong đó có bảo hiểm cho hoạt động xây dựng và trách nhiệm đối với người thứ ba là điều bắt buộc.

b. Rủi ro từ các đối tác kinh doanh

Trong hoạt động kinh doanh sự ràng buộc giữa các chủ thể dân sự thông qua hợp đồng kinh tế. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp đối tác kinh doanh/khách hàng không thực hiện đúng trách nhiệm đã cam kết vì nhiều lý do. Đây là rủi ro tiềm ẩn cần có sự quản lý như: tìm hiểu kỹ về thông tin khách hàng trước khi ký kết hợp đồng, nghiên cứu kỹ các điều khoản hợp đồng có sự trợ giúp của tư vấn pháp luật, trích lập dự phòng tài chính để kiểm soát các rủi ro này.

c. Rủi ro về sự biến động giá, lạm phát

Các hợp đồng thi công các gói thầu xây dựng công trình giao thông/hạ tầng kỹ thuật thường có thời gian dài. Các biến động về giá nguyên vật liệu, xăng dầu, năng lượng đều có sự tác động lớn về giá thành/lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó việc lập kế hoạch chi tiết để thi công các gói thầu lớn có tính đến các rủi ro tiềm ẩn là một việc bắt buộc.

5.4 Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm :

(Số liệu căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
Tổng doanh thu	415.000.000.000	444.505.210.166	107,11%
Tổng chi phí	401.000.000.000	432.691.991.572	107,90%
Lợi nhuận trước thuế	14.000.000.000	11.813.218.594	84,38%
Lợi nhuận sau thuế	11.200.000.000	9.395.854.210	83,89%
Chi trả cổ tức	7.735.000.000 (8,5%)	7.735.000.000 (8,5%)	100,00%

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Doanh thu : Đạt 107,11% kế hoạch
- Lợi nhuận : Đạt 84,38% kế hoạch.
- Cổ tức : Đạt 100% kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

+ Hội đồng Quản trị :

- Ông Trần Minh Trung : Chủ tịch (15,81% vốn điều lệ)
Cá nhân sở hữu : 0,81% vốn điều lệ
Được HFIC ủy quyền : 15% vốn điều lệ
- Ông Lê Hữu Châu : Thành viên (23,71% vốn điều lệ)
Cá nhân sở hữu : 8,71% vốn điều lệ
Được HFIC ủy quyền : 15% vốn điều lệ
- Bà Tạ Thị Hồng Tâm : Thành viên (7,69% vốn điều lệ)
- Ông Nguyễn Quang Huy : Thành viên (0,6% vốn điều lệ)
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh : Thành viên (10% vốn điều lệ)

- Được HFIC ủy quyền : 10% vốn điều lệ
- + Ban Tổng Giám đốc :
- Ông Lê Hữu Châu : Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Tiến Đạt : Phó Tổng Giám đốc (1,02% vốn điều lệ)
- Ông Phạm Ngọc Thành : Phó Tổng Giám đốc (1,06% vốn điều lệ)
- + Ban Kiểm soát :
- Ông Lê Mạnh Thu : Trưởng ban (0,47% vốn điều lệ)
- Ông Trịnh Lê Quang Vinh : Thành viên (0,01% vốn điều lệ)
- Ông Trần Thái Phương : Thành viên

Ghi chú : Ngày chốt danh sách sở hữu là 30/12/2022.

- Số lượng cán bộ, nhân viên :

Tổng lao động đến 31/12/2022 : 340 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: không

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

Chỉ tiêu	2022	2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	20.423.724.384	21.576.928.578	(5,34)
Doanh thu thuần	6.887.855.713	7.052.503.275	(2,33)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.084.498	97.858.948	(54,95)
Lợi nhuận khác	(19.118.758)	(747.072)	(2.459,16)
Lợi nhuận trước thuế	24.965.740	97.111.876	(74,29)
Lợi nhuận sau thuế	19.972.592	83.516.213	(76,09)

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2022	2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	459.955.671.332	392.672.298.552	17,13
Doanh thu thuần	443.551.084.995	385.347.226.390	15,10
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.818.353.526	12.494.652.676	(5,41)
Lợi nhuận khác	(5.134.932)	(747.072)	(587,34)

Lợi nhuận trước thuế	11.813.218.594	12.493.905.604	(5,45)
Lợi nhuận sau thuế	9.395.854.210	9.903.249.701	(5,12)

- Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2022	2021
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,17	1,24
+ Hệ số thanh toán nhanh		
<u>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</u>	0,89	0,88
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,78	0,73
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,50	2,71
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,96	0,98
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,03
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,03

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng cổ phần : 9.100.000

b) Cơ cấu cổ đông :

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

+ Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần : 5

+ Cổ đông nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần : 274

Cơ cấu cổ đông theo tổ chức và cá nhân:

+ Cổ đông tổ chức : 1

+ Cổ đông cá nhân : 278

Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

- + Cổ đông trong nước : 279
- + Cổ đông nước ngoài : 0
- Cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:
 - + Cổ đông nhà nước : 1
 - + Cổ đông khác : 278

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không
- e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm : 235.577.426.219 đồng
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : không

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Điện năng tiêu thụ 2022: 113.975 kw

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : không

6.3. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng :

Nguồn cung cấp nước : Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân, lượng nước sử dụng 2022 : 1.147 m³

- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : Không
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động : 31/12/2022 là 340 người

Mức lương trung bình đối với người lao động : 12.629.036đ/người/tháng

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao

động:

Công ty chấp hành nghiêm túc pháp luật lao động và đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định, tổng số tiền trích nộp bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho người lao động.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2022 theo thỏa ước lao động tập thể tại Trung tâm chẩn đoán y khoa Medic. Phụ cấp bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật được công ty cấp cho người lao động đúng quy định. Tổ chức cho người lao động tham quan nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể.

- Thực hiện giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thăm hỏi, hiếu hỷ trợ cấp khó khăn. Chăm lo cho các cháu thiếu nhi là con của người lao động, tặng quà, trao học bổng cho các cháu nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo.

- Thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo an toàn cho người lao động được quy định tại Điều 25 Thỏa ước lao động tập thể, cụ thể đầu tư thêm một số máy móc, trang thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phổ biến các văn bản của nhà nước về pháp luật bảo hộ lao động, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng thao tác đối với máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Xây dựng và ban hành Quy định về an toàn vệ sinh lao động. Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn viên, trong quy định, quy chế đã phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của từng đối tượng tham gia công tác an toàn vệ sinh lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động :

Toàn bộ người lao động ở từng vị trí công tác đều có chứng chỉ, bằng cấp chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao:

- 100% công nhân có chứng chỉ nghề từ bậc 3/7 trở lên và được huấn luyện ATLĐ và Phòng cháy chữa cháy;

- 100% người lao động khối gián tiếp được huấn luyện ATLĐ và PCCC;

d) Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh quản lý và điều hành sản xuất:

Trong năm 2022, Tổng Giám đốc đã đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 phó Tổng giám đốc và thực hiện quy trình bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền.

- Bổ nhiệm lại: Giám đốc xí nghiệp công trình 6 (ông Trần Ngọc Dũng); Giám đốc xí nghiệp công trình 7 (ông Nguyễn Quang Huy); 03 phó giám đốc ở các xí nghiệp công trình 2, 7,8;

- Bổ nhiệm mới: 01 phó trưởng phòng Chất lượng – thiết bị; 01 Giám đốc Xí nghiệp công trình 10 (ông Nguyễn Xuân Khoa); 05 Phó Giám đốc xí nghiệp 1, 2, 3, 6, 10).

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 làm năm khó khăn của cả nước nói chung và TP.HCM nói riêng khi hậu quả dịch Covid-19 vẫn ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế, xã hội và cuộc sống người dân.

Giá vật liệu tăng cao và khó khăn trong việc bay vốn của các tổ chức tín dụng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất.

Các sản phẩm chính của công ty đều nằm trong danh mục điều chỉnh thuế suất từ 10% còn 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022 về quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Đây là trường hợp chưa có tiền lệ nên các chủ đầu tư, cơ quan cấp phát vốn gặp lúng túng, vướng mắc và ảnh hưởng lớn đến thủ tục ký kết, điều chỉnh hợp đồng, tạm ứng, thanh toán, giải ngân của công ty. Điều này dẫn đến khó khăn về tài chính trong hoạt động doanh nghiệp

Khó khăn về ngân sách sau đại dịch làm các gói thầu đang triển khai thiếu vốn, các dự án chậm triển khai cũng ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của công ty.

Tuy nhiên, khó khăn nhất trong hoạt động kinh doanh của công ty năm 2022 là giá xăng dầu tăng cao dẫn đến các loại vật liệu chủ yếu và các chi phí khác tăng đột biến. Do đó, chi phí sản xuất tăng đột biến làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của công ty và việc đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.

Tình hình kinh doanh 2022 (chỉ tiêu doanh thu) như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
Doanh thu công trình	414.110.000.000	443.551.084.995	107,11

1.1 Hoạt động dịch vụ công ích quản lý và bảo trì các công trình cầu:

Doanh thu năm 2022 tăng là do các gói thầu công ty thực hiện được cơ quan quản lý bổ sung thêm vốn để thực hiện các hạng mục hư hỏng lớn, cấp bách hệ thống cầu trên địa bàn thành phố.

Năm 2022 là năm đầu tiên công ty thực hiện 06 gói thầu sản phẩm dịch vụ công 3 năm 2022 – 2024 được ký kết giữa công ty và các cơ quan quản lý. Công ty giao nhiệm vụ cho 04 đơn vị thực hiện, tăng 01 đơn vị do yêu cầu thực tế. Hình thức quản lý nội bộ là giao nhiệm vụ, thanh toán chi phí theo quy định. Áp hình hình thức khoán quỹ lương và các khoản phải trả cho người lao động như năm các năm 2019-2021.

Qua năm đầu tiên thực hiện hợp đồng, 04 xí nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, có sự chuyển biến tích cực về chất lượng và sự thỏa mãn khách hàng.

Việc thực hiện các cam kết và điều khoản hợp đồng về đầu tư, ứng dụng công nghệ, thiết bị vào hoạt động quản lý bảo trì công trình cầu:

-Về đầu tư thiết bị:

+ Thiết bị quét đường: Với 02 lần đầu tư năm 2021, tổng thiết bị 05 xe quét đường của công ty đang đảm bảo thực hiện hiệu quả khối lượng công tác vệ sinh mặt cầu – đường vào cầu trên 31 tuyến đường với tổng cộng 78.237m dài cầu cho 1 lần quét (trung bình 15 lần/tháng). Việc đầu tư là hiệu quả, kịp thời, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý hạ tầng.

+ Thiết bị kiểm tra cầu: Với 02 thiết bị hiện có đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

+ 04 xe tải cầu đa năng hỗ trợ công tác kiểm tra, duy tu bảo dưỡng dàn vòm và các kết cấu trên cao được đầu tư năm 2022 là kịp thời. Cơ bản đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý.

+ Hệ thống quan trắc/kiểm định cầu: Công ty đã phối hợp ĐH Bách Khoa Đà Nẵng khảo sát các công trình cầu đã áp dụng hệ thống quan trắc theo công nghệ mới, tìm

hiểu về công nghệ để đề xuất đầu tư áp dụng từ năm 2023 theo yêu cầu của hợp đồng.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin, vật liệu mới trong quản lý.

+ Đã thực hiện nâng cấp phần mềm tuân tra áp dụng từ quý II/2022. Giai đoạn 2 sẽ kết nối với phần mềm của Sở Giao thông vận tải.

+ Khôi phục hệ thống camera đã trang bị trên các tuyến cầu yếu (Cầu Rạch Cát, cầu Tân Thuận và các cầu trên tuyến Lê Văn Lương – Nhà Bè. Đồng thời nghiên cứu lắp đặt camera có kết nối về trung tâm điều khiển giao thông của Sở Giao thông vận tải (Đây là yêu cầu bắt buộc phải thực hiện trong hợp đồng).

+ Đã phối hợp với Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM và Trung tâm quản lý hạ tầng giao thông đường bộ tổ chức hội thảo khoa học về ứng dụng vật liệu mới trong công tác gia cường, bảo dưỡng công trình giao thông vào ngày 01/7/2022.

Như vậy, tất cả các cam kết với cơ quan quản lý về việc nâng cao chất lượng quản lý, bảo trì đang được triển khai nghiêm túc, đảm bảo tính hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu.

- Các vấn đề khác

Hiện nay, về pháp lý, các quyết toán công ích giai đoạn 2014-2015 đã được cơ quan thẩm quyền quyết định. Riêng quyết toán năm 2016 (trong đó có 04 tháng từ 01/01/2016-3/5/2016 thuộc giai đoạn 100% vốn nhà nước) đang chờ quyết định chính thức của UBND thành phố phê duyệt mức lương áp dụng để phê duyệt chính thức quyết toán. Công ty đang tích cực phối hợp với cơ quan quản lý để phân tích và giải trình.

1.2 Hoạt động dịch vụ công ích khác:

Tiếp tục thực hiện duy tu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa năm 2022.

Tham gia và trúng thầu 02 gói thầu duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đầu năm 2022, công ty tham gia đấu thầu và trúng thầu gói thầu “Tuần tra, kiểm tra điểm dừng, điểm trung chuyển, điểm đầu cuối, bên bãi; cập nhật hồ sơ và quản lý dữ liệu trên máy vi tính” của hệ thống xe buýt với hơn 4000 điểm dừng và 04 bến xe buýt trên toàn thành phố do Trung tâm Quản lý giao thông công cộng quản lý với giá trị gần 15 tỷ đồng.

Đây cũng là bước đi mới để tận dụng ưu thế về nguồn lực, kinh nghiệm, sự am hiểu về lĩnh vực giao thông đường bộ, giao thông đô thị của công ty. Đồng thời cũng là tiền đề để nghiên cứu tham gia các lĩnh vực mới như hệ thống metro, giao thông thông minh .v.v. trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận.

Tổng Giám đốc đã khoán quỹ lương và các khoản phải trả cho người lao động tại các xí nghiệp công ích. Qua đó, kiểm soát chi phí hoạt động công ích nhằm hạn chế phát sinh chi phí trong điều kiện chi phí công ích phát sinh tăng. Phương án này tiếp tục được điều chỉnh và áp dụng cho giai đoạn 2022-2024.

1.3 Hoạt động tư vấn xây dựng công trình và kiểm định cầu:

Việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2022, việc mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận phát triển thể hiện trên số lượng, giá trị các gói thầu công trình. Tổng giá trị ký kết hợp đồng gói thầu công trình ở tỉnh năm 2022 là 244/453 tỷ đồng chiếm 53,8%.

Việc áp dụng mô hình khoán chi tiêu, lợi nhuận tạo sự chủ động cho đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch và cân đối chi phí cho từng gói thầu. Từng bước được các chủ đầu tư ghi nhận. Hầu hết các gói thầu đều thi công đúng tiến độ, chất lượng được chủ đầu tư đánh giá cao.

1.4 Những tồn tại:

- Với những nỗ lực trong thời gian qua, Công ty đã từng bước nâng cao năng lực kỹ thuật để tham gia các gói thầu lớn. Tuy nhiên, năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân lực .v.v còn thiếu so với mặt bằng chung trên thị trường và yêu cầu phát triển.

- Việc mở rộng thị trường sang các tỉnh miền Tây nam bộ là một bước đi đúng thể hiện trên số lượng và giá trị công trình. Tuy nhiên, việc thi công các công trình ở xa cũng còn nhiều khó khăn về công tác quản lý, phát sinh chi phí, nhân lực thiết bị phân tán. Đặc thù các công trình giao thông nông thôn là điều kiện thi công khó khăn, nguồn vật liệu khó tìm, thời gian thi công kéo dài, phụ thuộc vào thời tiết, thủy văn...Do đó, tính hiệu quả về lợi nhuận còn hạn chế.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2022	2021	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ %
A. Tài sản ngắn hạn	419.191.015.104	354.747.241.510	64.443.773.594	18,17
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.625.777.883	64.247.180.539	(4.621.402.656)	(7,19)
Các khoản phải thu ngắn hạn	239.861.347.953	170.609.212.771	69.252.135.182	40,59
Hàng tồn kho	100.489.693.252	101.428.004.730	(938.311.478)	(0,93)
Tài sản ngắn hạn khác	19.214.196.016	18.462.843.470	751.352.546	4,07
B. Tài sản dài hạn	40.764.656.228	37.925.057.042	2.839.599.186	7,49
Tài sản cố định	36.044.423.503	31.630.898.156	4.413.525.347	13,95
Tài sản dài hạn khác	4.720.232.725	6.294.158.886	(1.573.926.161)	(25,01)
Tổng cộng tài sản	459.955.671.332	392.672.298.552	67.283.372.780	17,13

- Tài sản ngắn hạn tăng 64.443.773.594 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 18,17% chủ yếu là do tăng các khoản phải thu ngắn hạn.

- Tài sản dài hạn tăng 2.839.599.186 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 7,49% là do công ty đầu tư mua sắm thiết bị xe nâng phục vụ thi công công trình. Tài sản dài hạn khác giảm chủ yếu là do phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản là 0,96 cứ 1đ tài sản tạo ra 0,96 đ doanh thu giảm so với năm 2021. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 0,02 cứ 1đ tài sản mang về 0,02đ lợi nhuận giảm so với năm 2021.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2022	2021	Mức tăng	Tỷ lệ %
C. Nợ phải trả	357.636.395.430	286.911.099.411	70.725.296.019	24,65
Nợ ngắn hạn	357.636.395.430	286.911.099.411	70.725.296.019	24,65

D. Vốn chủ sở hữu	102.319.275.902	105.761.199.141	(3.441.923.239)	(3,25)
Vốn chủ sở hữu	102.319.275.902	105.761.199.141	(3.441.923.239)	(3,25)
Tổng nguồn vốn	459.955.671.332	392.672.298.552	67.283.372.780	17,13

- Nợ phải trả tăng 70.725.296.019 đồng tương ứng với tỷ lệ 24.65%, chủ yếu là tăng khoản tiền khách hàng ứng trước, tăng khoản phải trả khác và vay ngân hàng.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 đảm bảo khả năng thanh toán là 1,17 giảm so với năm 2021, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu vẫn đảm bảo là 3,5 tăng so với năm 2021.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý :

Năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện phương án khoán quỹ lương và các khoản phải trả cho người lao động toàn công ty:

- Khối văn phòng: khoán quỹ lương từng phòng nghiệp vụ trên cơ sở định biên lao động hiện hữu và quy chế trả lương do Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Khối công ích: Khoán toàn bộ chi phí tiền lương và các khoản phải trả cho người lao động (BHXH, BHYT, bồi dưỡng độc hại, bảo hộ lao động, tiền ăn giữa ca, các khoản phụ cấp khác...) khối công ích trên cơ sở lao động định biên và chi phí nhân công xí nghiệp được hưởng.

- Khối công trình: Các đơn vị tự chi trả tiền lương và các khoản phải trả khác.

Với phương án khoán trên, công ty cố định và kiểm soát các chi phí liên quan đến việc sử dụng lao động không vượt dự toán chi do Hội đồng quản trị phê duyệt hàng năm.

- Đề xuất xây dựng và trình HĐQT 07 quy chế quản lý của công ty gồm: Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm và tiêu chuẩn chức danh quản lý; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế quản lý chi phí nội bộ; Quy chế quản lý xe máy thiết bị; Quy chế khen thưởng phúc lợi; Quy chế tuyển dụng và đào tạo; Quy chế công bố thông tin.

- Tiếp tục thực hiện việc quy định khoán văn phòng phẩm, chi phí điện, nước sử dụng cho từng phòng, ban, đơn vị; Đưa vào sử dụng phần mềm quản lý lưu trữ văn thư.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1.1 Tiếp tục thực hiện, tạo ưu thế cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ công ty có thể mạnh: sản phẩm dịch vụ công ích, thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đây là nhóm sản phẩm, dịch vụ nền tảng mang tính chất quyết định trong hoạt động doanh nghiệp cần đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, nhân lực, tạo thương hiệu và uy tín trên thị trường. Tập trung nâng cao năng lực để tham gia các gói thầu có quy mô lớn, cấp công trình cao.

4.1.2 Sản phẩm dịch vụ công vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động doanh nghiệp. Việc giữ vững thị trường bằng chất lượng, sự thỏa mãn khách hàng trong giai đoạn nhà nước áp dụng xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong điều kiện đấu thầu rộng rãi. Tạo thế mạnh cạnh tranh bằng kinh nghiệm, chất lượng, công nghệ và giá thành. Tinh giản, hợp lý hóa đội ngũ nhân lực thực hiện trên cơ sở bố trí ca, kíp cho phù hợp. Áp dụng công nghệ mới trong quản lý là điều kiện bắt buộc của hợp đồng. Do đó, việc tạo sự chuyển biến toàn diện là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong năm 2023.

Bên cạnh đó, tìm kiếm và tiếp tục tham gia vào một số lĩnh vực quản lý, duy tu, bảo trì mới như : duy tu- bảo trì hạ tầng vận tải công cộng, quản lý bảo trì hạ tầng khu công

nghiệp.. là những định hướng sẽ được thực hiện trong năm 2023.

4.1.3 Phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường là nhiệm vụ chiến lược. Liên danh, liên kết để tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận. Xem sản phẩm xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật là sản phẩm kinh doanh chủ yếu. Tiếp tục hỗ trợ để các gói thầu do Công ty thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

4.1.4 Tiếp cận và tham gia vào một số hạng mục quản lý, bảo trì vận hành tuyến Metro thành phố.

4.1.5 Về nâng cao năng lực quản lý.

– Tổ chức và xây dựng lại toàn bộ các quy chế, quy định, quy trình... phù hợp với những thay đổi của chính sách pháp luật Nhà nước; kiện toàn bộ máy tổ chức ở các đơn vị trực thuộc cũng như khối văn phòng công ty nhằm nâng cao hiệu lực thực thi các văn bản trên và tăng cường cải cách hành chính. Chú trọng giải pháp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

– Tiếp tục tinh gọn bộ máy, rà soát đánh giá lực lượng lao động phù hợp. Thực hiện các giải pháp nâng cao tay nghề, nghiệp vụ, chuẩn hóa các yêu cầu về chứng chỉ nghề cho từng chức danh.

– Nâng cao tính kỷ cương kỷ luật và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

– Đổi mới tư duy, chủ động đề xuất các giải pháp hợp lý để thực hiện công việc quản lý ngày càng khoa học, hiệu quả và đảm bảo chế độ chính sách; thường xuyên quan hệ tốt với địa phương, các cấp các ngành để tranh thủ sự hỗ trợ.

4.1.6 Đầu tư trang thiết bị và phát triển nguồn nhân lực.

- Lập kế hoạch sử dụng xe máy thiết bị trên cơ sở các trang thiết bị hiện có và các trang thiết bị cần bổ sung bằng nhiều hình thức (Đề xuất đầu tư mua sắm, thuê.v.v) để đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho hoạt động sản xuất và đủ điều kiện để tham gia đấu thầu.

- Trình Hội đồng quản trị danh mục đề xuất đầu tư bổ sung các thiết bị tối thiểu để đảm bảo hoạt động sản xuất lĩnh vực Sản phẩm dịch vụ công theo quy định hợp đồng với cơ quan giao thầu.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

a) Trong quản lý và điều hành doanh nghiệp: Hội đồng Quản trị, Ban điều hành thực hiện nhiều biện pháp tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động doanh nghiệp. Đảm bảo tính tuân thủ, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Hội đồng thành quản trị và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Thể chế hóa, điều chỉnh, bổ sung các quy chế nội bộ đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ quy định nhà nước trong quản lý. Tích cực xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tái cơ cấu tổ chức và sản

phẩm hoạt động các đơn vị phù hợp với mô hình hoạt động của doanh nghiệp trong tình hình mới.

b) Hàng năm, HĐQT đều xây dựng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng phụ trách và thực hiện công tác giám sát các mặt hoạt động của Công ty.

c) Hội đồng quản trị hoạt động tuân thủ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, và các quy chế quản lý nội bộ khác. Thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến người lao động trong công ty, nhằm đảm bảo cho Ban điều hành có cơ sở thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật.

d) Định kỳ hàng tháng và đột xuất, Hội đồng quản trị tổ chức họp để các thành viên HĐQT và BKS nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và ban hành các Nghị quyết, quyết định chỉ đạo kịp thời trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2022, HĐQT đã tổ chức 17 cuộc họp, trong đó có 05 cuộc họp trực tiếp và 12 lần lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét, quyết định các vấn đề quản lý của công ty theo thẩm quyền của HĐQT và ban hành 32 văn bản hành chính.

e) Thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc công ty thực hiện các nghị quyết của HĐQT, phối hợp Ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp.

f) Phối hợp Ban kiểm soát tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo công ty thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

g) Tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và Người phụ trách quản trị.

Công ty đã thực hiện đúng chế độ tiền lương, thù lao đối với các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị và người quản lý khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, cụ thể:

Stt	Chức danh	Kế hoạch tháng	Kế hoạch năm	Thực hiện tháng	Thực hiện năm
1	Chủ tịch HĐQT	29.000.000	348.000.000	29.000.000	348.000.000
2	Trưởng ban kiểm soát	25.000.000	300.000.000	25.000.000	300.000.000
3	Thành viên HĐQT (4 người còn lại)	20.000.000	240.000.000	20.000.000	240.000.000
4	Thành viên BKS (2 người còn lại)	6.000.000	72.000.000	6.000.000	72.000.000
5	Người phụ trách quản trị	5.000.000	60.000.000	5.000.000	60.000.000

6	Tổng Giám đốc	25.000.000	300.000.000	25.000.000	300.000.000
7	Phó Tổng Giám đốc (03 người)	41.400.000	496.800.000	43.125.000	517.500.000
8	Kế toán trưởng	20.000.000	240.000.000	20.000.000	240.000.000

Ngoài ra HĐQT quyết định chi thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị hoạt động kiêm nhiệm; Tổng giám đốc công ty và người quản lý khác nhân dịp Tết Nguyên Đán tháng lương 13 số tiền 184.000.000 đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

a) Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho công ty.

b) Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát. Tình hình tài chính được kiểm soát tốt. Vốn nhà nước và vốn góp của cổ đông được bảo toàn.

c) HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Tổng giám đốc theo thẩm quyền được giao theo Điều lệ và quy chế làm việc của HĐQT.

d) Qua công tác kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh của công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

e) Yêu cầu Tổng Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo định kỳ hàng tháng cho HĐQT về các lĩnh vực hoạt động của Công ty, để HĐQT nghị quyết định hướng nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động ở từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1 Kế hoạch, định hướng :

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty là tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. HĐQT sẽ phối hợp với Tổng Giám đốc, Ban điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Đảm bảo hoàn thành tất cả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị làm nền tảng xây dựng và thực hiện chiến lược, định hướng phát triển cho những năm tiếp theo. Kế hoạch chỉ tiêu của năm 2023, cụ thể:

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Kế hoạch 2023
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	415.000	444.505	400.000
2	Lợi nhuận trước thuế	14.000	11.813	12.100
4	Lợi nhuận chia cổ tức	7.735	7.735	7.735
5	Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ	8,5%	8,5%	8,5%

- Bảo toàn vốn góp của cổ đông; đảm bảo vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp được hiệu quả và phát triển. Các hoạt động tài chính minh bạch, an toàn. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

- Tăng cường giám sát hoạt động của công ty; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn vốn của cổ đông, đánh giá hiệu quả vốn đầu tư và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới; cải thiện hơn nữa công tác quản lý dòng tiền nhằm góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh và đảm bảo an toàn thanh khoản.

- Tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật lao động của người lao động, nâng cao năng suất lao động để gia tăng năng lực cạnh tranh và uy tín của công ty. Tăng cường đào tạo trình độ nghiệp vụ của bộ phận quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, tài chính kế toán, quản trị doanh nghiệp...

- Tiếp tục hoàn thiện các mô hình sản xuất: Tạo sự chủ động, hỗ trợ đơn vị kích thích sản xuất nhưng vẫn đảm bảo sự kiểm soát của công ty. Tiếp tục nỗ lực giữ vững thị trường sản phẩm dịch vụ công ích và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh bằng chất lượng, tính chuyên nghiệp và thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Tiếp cận và nghiên cứu tham gia các hình thức kinh doanh, lĩnh vực mới có nhiều tiềm năng và phát triển các sản phẩm mới như khai khoáng, sản xuất vật liệu...

- Xây dựng các giải pháp để triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển Công ty 03 năm đầu của nhiệm kỳ 2021-2026, trong đó xây dựng được về sản phẩm, lĩnh vực hoạt động thế mạnh của Công ty, nhu cầu về vốn, về số lượng trang thiết bị của công ty cần trang bị, đầu tư trong từng năm; Giải pháp huy động vốn.

- Đảm bảo duy trì sự ổn định và phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn của doanh nghiệp.

3.2 Biện pháp thực hiện:

Để thực hiện tốt các mục tiêu trên, Công ty sẽ tiến hành đồng bộ các giải pháp, cụ thể:

3.2.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Chuyên nghiệp hóa, tạo ưu thế cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ Công ty có thế mạnh: Sản phẩm dịch vụ công ích, thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đây là nhóm sản phẩm, dịch vụ nền tảng mang tính chất quyết định trong hoạt động, Công ty cần đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, thiết bị, nhân lực để chuyên

nghiệp hóa, tạo thương hiệu và uy tín trên thị trường. Tập trung nâng cao năng lực để tham gia các gói thầu có quy mô lớn, cấp công trình cao.

b) Sản phẩm dịch vụ công ích vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của công ty, việc giữ vững thị trường bằng chất lượng, công nghệ, giá thành và sự thỏa mãn khách hàng trong giai đoạn xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích là nhiệm vụ hết sức quan trọng, để ổn định và phát triển công ty.

c) Phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường là nhiệm vụ chiến lược trong việc tham gia xây dựng công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật. Đầu tư phát triển các sản phẩm đặc thù áp dụng các công nghệ, vật liệu mới trong hoạt động xây dựng và sửa chữa công trình giao thông. Duy trì tốt các thị trường truyền thống, tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận.

d) Tiếp tục phát triển sản phẩm, đa dạng hình thức kinh doanh: Hoạt động kiểm định cầu, cho thuê xe máy thiết bị, chuẩn bị mặt bằng, hoàn thiện công trình xây dựng, cung ứng và quản lý nguồn lao động, sản xuất cấu kiện cơ khí giao thông, khai khoáng, cấu kiện bê tông đúc sẵn...

e) Cam kết cung cấp dịch vụ quản lý và các dịch vụ hỗ trợ để các dự án do Công ty nhận thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

3.2.2 Nâng cao năng lực quản lý

a) Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình, biểu mẫu... phù hợp với những thay đổi của chính sách pháp luật Nhà nước; kiện toàn bộ máy tổ chức ở các đơn vị trực thuộc cũng như khối văn phòng Công ty nhằm nâng cao hiệu lực thực thi các văn bản trên và tăng cường cải cách hành chính. Chú trọng giải pháp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

b) Tăng cường ổn định chính trị, nâng cao tính kỷ cương kỷ luật và quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

c) Đổi mới tư duy, chủ động đề xuất các giải pháp hợp lý để thực hiện công việc quản lý ngày càng khoa học, hiệu quả và đảm bảo chế độ chính sách; thường xuyên quan hệ tốt với địa phương, các cấp các ngành để tranh thủ sự hỗ trợ.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

1. Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính : www.caupha.com

Ngày 12 tháng 04 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Ông Giám đốc



LÊ HỮU CHÂU

Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất.



Báo cáo tài chính hợp nhất
Đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH & CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022
Đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38.205.944 Fax: (028) 38.205.942 Website: www.aasc.com.vn Email: info@aasc.com.vn

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc CTCP Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng. Bằng chữ: Chín mươi một tỷ đồng.

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh: : Thi công xây dựng công trình

3. Ngành nghề kinh doanh :

- Xây dựng công trình công ích: Quản lý, duy tu, bảo trì, sửa chữa công trình giao thông; Duy tu sửa chữa công trình đường thủy; Quản lý bảo trì hệ thống thoát nước xử lý nước thải.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Xây dựng công trình giao thông (công trình thủy nội địa, công trình hàng hải, cầu cảng, bến tàu, cầu tàu); Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; ...

- Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Mô hình hoạt động :

Công ty có 01 công ty con và các Xí nghiệp trực thuộc, trong đó:

- Công ty con:	Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà
Địa chỉ	: 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 65%
Tỷ lệ quyền biểu quyết	: 65%

- Các đơn vị trực thuộc

- + Văn phòng
- + Xí nghiệp Công trình giao thông 1
- + Xí nghiệp Công trình giao thông 2
- + Xí nghiệp Công trình giao thông 3
- + Xí nghiệp Công trình giao thông 4
- + Xí nghiệp Công trình giao thông 5
- + Xí nghiệp Công trình giao thông 6
- + Xí nghiệp Công trình giao thông 7
- + Xí nghiệp Công trình giao thông 8
- + Xí nghiệp Công trình giao thông 9
- + Xí nghiệp Công trình giao thông 10

Hoạt động kinh doanh chính

- Quản lý chung
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Hội đồng Quản trị		
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Minh Trung	Chủ tịch	Ngày 26/04/2021
Ông Lê Hữu Châu	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Bà Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		
Ông Lê Hữu Châu	Tổng Giám đốc	Ngày 26/04/2021
Ông Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12/05/2021
Ông Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12/05/2021
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15/11/2022
Bà Lê Nga Phương	Kế toán trưởng	Ngày 12/05/2021
Ban Kiểm soát		
Ông Lê Mạnh Thư	Trưởng ban	Ngày 26/04/2021
Ông Trần Thái Phương	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Ông Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên	Ngày 26/04/2021



Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Duyệt, ngày 15 tháng 03 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



LÊ HỮU CHÂU

Số: 211 /BCKT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 15/03/2023 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 của CTCP Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con, trình bày từ trang 8 đến trang 34 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp.HCM, Ngày 21 tháng 3 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



TẠ QUANG LONG

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0649-2023-142-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1091-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		419.191.015.104	354.747.241.510
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	59.625.777.883	64.247.180.539
Tiền	111		45.125.777.883	20.247.180.539
Các khoản tương đương tiền	112		14.500.000.000	44.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		239.861.347.953	170.609.212.771
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	177.269.089.501	141.098.241.920
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	28.883.516.018	9.840.123.775
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	41.874.074.778	27.836.179.420
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(8.165.332.344)	(8.165.332.344)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	100.489.693.252	101.428.004.730
Hàng tồn kho	141		100.489.693.252	101.428.004.730
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.214.196.016	18.462.843.470
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	12.638.380.941	11.074.232.346
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	6.114.298.070	6.251.923.832
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	461.517.005	1.136.687.292
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.764.656.228	37.925.057.042
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.044.423.503	31.630.898.156
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	35.724.923.505	31.630.898.156
- Nguyên giá	222		93.344.231.892	83.770.043.536
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.619.308.387)	(52.139.145.380)
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	319.499.998	-
- Nguyên giá	228		528.100.000	173.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(208.600.002)	(173.100.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.720.232.725	6.294.158.886
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	4.703.229.423	6.270.972.565
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		17.003.302	23.186.321
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		459.955.671.332	392.672.298.552



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		357.636.395.430	286.911.099.411
I. Nợ ngắn hạn	310		357.636.395.430	286.911.099.411
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	102.435.950.873	119.905.010.105
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		105.209.548.691	59.805.148.071
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.603.653.622	381.731.165
Phải trả người lao động	314		3.020.930.517	10.551.173.148
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	109.865.424.072	88.778.048.718
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	36.460.548.061	8.317.448.822
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(959.660.406)	(827.460.618)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.319.275.902	105.761.199.141
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	102.319.275.902	105.761.199.141
Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.113.561.375	2.619.661.304
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.565.340.503	9.493.813.417
+ LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(183.523.300)	(380.205.609)
+ LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.748.863.803	9.874.019.026
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.640.374.024	2.647.724.420
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		459.955.671.332	392.672.298.552

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

TP. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	443.551.084.995	385.347.226.390
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		443.551.084.995	385.347.226.390
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	410.025.500.662	350.823.211.077
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.525.584.333	34.524.015.313
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	929.692.787	962.087.953
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.473.111.788	1.228.189.243
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.473.111.788	1.228.189.243
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	21.163.811.806	21.763.261.347
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.818.353.526	12.494.652.676
Thu nhập khác	31	VI.5	24.432.384	-
Chi phí khác	32	VI.6	29.567.316	747.072
Lợi nhuận khác	40		(5.134.932)	(747.072)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.813.218.594	12.493.905.604
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.411.181.365	2.584.472.884
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.183.019	6.183.019
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	60		9.395.854.210	9.903.249.701
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		9.388.863.803	9.874.019.026
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		6.990.407	29.230.675
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.032	922
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

TP. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		11.813.218.594	12.493.905.604
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02		5.515.663.009	5.499.235.857
- Các khoản dự phòng	03		-	313.007.472
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(929.692.787)	(962.087.953)
- Chi phí lãi vay	06		1.473.111.788	1.228.189.243
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.872.300.604	18.572.250.223
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(70.291.126.961)	46.219.228.349
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		938.311.478	(4.531.972.385)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		33.279.085.420	4.364.574.080
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		3.594.547	2.948.195.013
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.473.111.788)	(1.228.189.243)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(619.472.194)	(2.583.727.072)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.432.093.712	2.366.087.359
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.126.747.500)	(1.690.483.337)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.985.072.682)	64.435.962.987
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.924.316.000)	(10.005.897.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		929.692.787	938.498.914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.994.623.213)	(9.067.398.359)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	59.867.988.745	39.532.870.339
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(31.724.889.506)	(67.720.710.273)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.784.806.000)	(8.877.680.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.358.293.239	(37.065.520.179)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(4.621.402.656)	18.303.044.449
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	64.247.180.539	45.944.136.090
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	59.625.777.883	64.247.180.539

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

TP. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Thi công xây dựng công trình

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình công ích: Quản lý, duy tu, bảo trì, sửa chữa công trình giao thông; Duy tu sửa chữa công trình đường thủy; Quản lý bảo trì hệ thống thoát nước xử lý nước thải.

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Xây dựng công trình giao thông (công trình thủy nội địa, công trình hàng hải, cầu cảng, bến tàu, cầu tàu); Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; ...

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp : Bao gồm 01 Công ty con và các Xí nghiệp trực thuộc

a. Công ty con

: Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà

- Địa chỉ : Số 451/10 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, TP. HCM

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65 % - Tỷ lệ quyền biểu quyết : 65 %

b. Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Các đơn vị trực thuộc

Hoạt động kinh doanh chính

- Văn phòng Công ty

: Quản lý chung

Xí nghiệp Công trình giao thông 1

: Thi công công trình giao thông

Xí nghiệp Công trình giao thông 2

: Thi công công trình giao thông

Xí nghiệp Công trình giao thông 3

: Thi công công trình giao thông

Xí nghiệp Công trình giao thông 4

: Thi công công trình giao thông

Xí nghiệp Công trình giao thông 5

: Thi công công trình giao thông

Xí nghiệp Công trình giao thông 6

: Thi công công trình giao thông

Xí nghiệp Công trình giao thông 7

: Thi công công trình giao thông

Xí nghiệp Công trình giao thông 8

: Thi công công trình giao thông

Xí nghiệp Công trình giao thông 9

: Thi công công trình giao thông

Xí nghiệp Công trình giao thông 10

: Thi công công trình giao thông

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty Cổ Phần Công Trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh sẽ bắt đầu từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 khi chính thức được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Kỳ kế toán các năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Cơ sở hợp nhất

a. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt, trong đó:

+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Công trình Cầu Phà được thành lập theo Nghị quyết số 45/NQ-CTCP-HĐQT ký ngày 03 tháng 07 năm 2017 do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314571452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 14 tháng 08 năm 2017. Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ sẽ được hợp nhất kể từ ngày 14/08/2017.

b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến quyền mất kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập Đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

c. Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

d. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

e. Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

f. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình gồm: phần mềm kế toán, phần mềm hồ sơ cầu, phần mềm báo cáo tuần tra, phần mềm quản lý cầu. Giá trị tài sản vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3

Công ty

Quan hệ

Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM (HFIC)

Cổ đông lớn 40%

15. Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào hoạt động xây dựng, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT:

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm	
- Tiền mặt	116.530.067	103.574.540	
Văn phòng Công ty	84.429.447	81.869.366	
Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty con	8.035.845	3.108.269	
24.064.775	18.596.905		
- Tiền gửi ngân hàng	45.009.247.816	20.143.605.999	
Văn phòng Công ty	39.014.903.064	13.696.895.179	
Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty con	5.658.389.911	5.961.476.283	
335.954.841	485.234.537		
- Các khoản tương đương tiền	14.500.000.000	44.000.000.000	
Văn phòng Công ty	14.500.000.000	44.000.000.000	
Cộng	59.625.777.883	64.247.180.539	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

2.1. Ngắn hạn

a. Công ty mẹ

Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 1
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 2
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 3
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 4
Khu quản lý đường thủy nội địa
BQL ĐTXD CT Huyện Nhà Bè
BQL dự án lưới điện phân phối TPHCM
BQL CT CC Huyện Tam Nông
Trung tâm quản lý đường hầm sông Sài Gòn
Công ty TNHH Đầu tư Phước Kiển
CTCP tư vấn thiết kế Toàn Cầu
BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông
Trung tâm Quản lý Hạ tầng Giao thông Đường bộ
Các khoản phải thu khách hàng khác

b. Công ty con

- Công ty TNHH Đầu tư Phước Kiển
- Trung tâm quản lý giao thông công cộng
- Công ty TNHH XD Bách Khang
- Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ
- Khách hàng khác

Cộng

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
170.804.133.850	132.772.865.273
499.000	2.717.599.932
103.688.000	7.881.720.936
-	2.941.710.385
118.000.000	2.687.130.867
5.904.669.233	9.882.183.916
2.426.450.842	2.687.322.000
1.184.358.091	1.111.449.753
32.563.000	344.906.000
1.625.356.550	1.625.356.550
-	1.209.828.909
9.028.800.000	9.028.800.000
5.845.504.080	11.943.205.702
78.785.937.649	6.344.597.920
65.748.307.405	72.367.052.403
6.464.955.651	8.325.376.647
-	761.218.634
368.691.400	-
3.930.237.672	3.474.489.852
2.002.957.789	3.923.298.000
163.068.790	166.370.161
177.269.089.501	141.098.241.920

2.2. Dài hạn

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

3.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Văn phòng

Cty TNHH MTV Đóng tàu và CN Hàng Hải Sài Gòn
Công ty TNHH giải trí Hoàng Hải
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác

Xí nghiệp

- Xí nghiệp công trình 1
- Xí nghiệp công trình 2
- Xí nghiệp công trình 3
- Xí nghiệp công trình 4
- Xí nghiệp công trình 5
- Xí nghiệp công trình 6
- Xí nghiệp công trình 7
- Xí nghiệp công trình 8
- Xí nghiệp công trình 9

Công ty con

Cộng

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
297.007.000	261.477.000
116.235.000	116.235.000
100.000.000	-
80.772.000	145.242.000
27.770.638.613	8.988.122.491
-	154.172.900
110.502.000	49.252.000
9.151.858.706	1.376.690.120
2.846.181.605	806.157.924
3.364.300.296	1.474.096.000
2.303.471.880	274.417.600
3.873.233.814	876.685.000
25.358.000	-
6.095.732.312	3.976.650.947
815.870.405	590.524.284
28.883.516.018	9.840.123.775

3.2. Dài hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2022

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1. Ngắn hạn				
- Phải thu của người lao động	620.811.139	-	59.488.474	-
+ Các khoản trích theo lương	-	-	-	-
+ Thuế TNCN	53.720.557	-	59.488.474	-
+ Khác	567.090.582	-	-	-
- Tạm ứng	16.675.871.626	-	12.501.660.717	-
+ Văn phòng	34.978.000	-	89.036.000	-
+ XN trực thuộc	16.640.893.626	-	12.412.624.717	-
- Ký cược, ký quỹ	11.004.202.202	-	9.744.710.481	-
- Phải thu khác	13.573.189.811	-	5.530.319.748	-
+ <i>Văn phòng</i>	<i>3.527.464.565</i>	-	<i>833.030.567</i>	-
. Cty TNHH ĐT XD CT Cầu Phà	-	-	-	-
. XD trạm ép rác kín p.Thạnh Mỹ Lợi Q2	595.548.719	-	595.548.719	-
. Lãi dự thu	28.167.106	-	23.589.039	-
. Phải thu khác	2.903.748.740	-	213.892.809	-
+ Xí nghiệp	10.009.648.325	-	4.660.004.268	-
. XN CT 1	1.119.104.143	-	451.878.553	-
. XN CT 2	1.282.278.521	-	553.867.805	-
. XN CT 3	2.191.369.942	-	1.493.955.479	-
. XN CT 4	273.676.005	-	273.676.005	-
. XN CT 5	376.328.509	-	253.407.320	-
. XN CT 6	2.794.200.038	-	2.151.478	-
. XN CT 7	767.826.692	-	480.089.162	-
. XN CT 8	619.072.363	-	598.797.489	-
. XN CT 9	296.863.845	-	552.180.977	-
. XN CT 10	288.928.267	-	-	-
+ Công ty con	36.076.921	-	37.284.913	-
Cộng	41.874.074.778	-	27.836.179.420	-

4.2. Dài hạn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

5 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
- CTCP ĐT & XD Số 17 Thăng Long	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214
- CTCP ĐT PT Sông Đà	719.946.000	719.946.000	719.946.000	719.946.000
- CTNNH XXD TM Du lịch Công Lý	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316
-CTCP Đức Phan	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000
- Cty DV bưu chính Viễn thông Sài Gòn	121.129.724	121.129.724	121.129.724	121.129.724
- Ủy ban nhân dân Quận 3	222.928.618	222.928.618	222.928.618	222.928.618
- Khác	313.007.472	313.007.472	313.007.472	313.007.472
Cộng	8.165.332.344	8.165.332.344	8.165.332.344	8.165.332.344

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	57.411.979.751	-	59.580.896.220	-
- Công cụ, dụng cụ	2.893.856.144	-	4.396.704.758	-
- Chi phí SXKDD	34.397.762.706	-	31.542.565.950	-
- Hàng hóa	5.786.094.651	-	1.001.849.000	-
- Hàng hóa gửi bán	-	-	4.905.988.802	-
Cộng	100.489.693.252	-	101.428.004.730	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

7 .TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.060.663.688	5.036.393.063	65.916.646.513	756.340.272		83.770.043.536
- Mua trong năm	-	-	9.574.188.356	-	-	9.574.188.356
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	12.060.663.688	5.036.393.063	75.490.834.869	756.340.272	-	93.344.231.892
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.580.622.335	4.727.987.562	45.117.355.211	713.180.272	-	52.139.145.380
- Khấu hao trong năm	501.372.036	78.424.052	4.921.322.014	9.960.000	-	5.511.078.102
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm do góp vốn vào Công ty con	-	-	-	-	-	-
- Giảm do hợp nhất	-	-	30.915.095	-	-	30.915.095
- Giảm do thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.081.994.371	4.806.411.614	50.007.762.130	723.140.272	-	57.619.308.387
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10.480.041.353	308.405.501	20.799.291.302	43.160.000	-	31.630.898.156
Tại ngày cuối năm	9.978.669.317	229.981.449	25.483.072.739	33.200.000	-	35.724.923.505



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

8 .TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	173.100.000	-	173.100.000
- Mua trong năm	-	-	-	355.000.000	-	355.000.000
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Tặng do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Giảm do góp vốn vào	-	-	-	-	-	-
- Giảm nguyên giá các dự	-	-	-	-	-	-
- Giảm nguyên giá nhà kho	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	528.100.000	-	528.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	173.100.000	-	173.100.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-	35.500.002	-	35.500.002
- Tặng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm do góp vốn vào Công ty con	-	-	-	-	-	-
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	208.600.002	-	208.600.002
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	319.499.998	-	319.499.998

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
9.1 Ngắn hạn		
a.Văn phòng	779.341.409	-
- Công cụ dụng cụ	115.565.000	
- Sửa chữa văn phòng	255.638.909	
- Sửa chữa xe, xà lan	408.137.500	
b. Xí nghiệp	11.859.039.532	11.074.232.346
+ Xí nghiệp công trình 1	51.616.980	44.764.593
+ Xí nghiệp công trình 2	1.369.025.661	1.754.796.491
+ Xí nghiệp công trình 4	8.442.180.191	6.117.860.270
+ Xí nghiệp công trình 5	-	-
+ Xí nghiệp công trình 6	-	-
+ Xí nghiệp công trình 7	725.568.458	1.097.229.652
+ Xí nghiệp công trình 8	280.626.708	724.826.403
+ Xí nghiệp công trình 9	951.061.268	1.334.754.937
+ Xí nghiệp công trình 10	38.960.266	-
Cộng	<u>12.638.380.941</u>	<u>11.074.232.346</u>
9.2 Dài hạn		
a.Văn phòng	4.703.229.423	6.270.972.565
+ Công cụ dụng cụ	-	-
+ Lợi thế kinh doanh (*)	4.703.229.423	6.270.972.565
+ Khác	-	-
b.Xí nghiệp	-	-
Cộng	<u>4.703.229.423</u>	<u>6.270.972.565</u>

Ghi chú (*): Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ thời điểm cổ phần hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

10.1. Phải trả người bán ngắn hạn

a. Văn phòng

- CTCP Công trình Giao Thông Sài Gòn
- Cty TNHH ĐT XD & PT CTGT 6
- Cty TNHH TM DV Thi công XD cầu đường Hồng An
- CTCP Vận tải TM XD Công nghiệp Đức Long
- Khác

b. Xí nghiệp

- Xí nghiệp công trình 1
- Xí nghiệp công trình 2
- Xí nghiệp công trình 3
- Xí nghiệp công trình 4
- Xí nghiệp công trình 5
- Xí nghiệp công trình 6
- Xí nghiệp công trình 7
- Xí nghiệp công trình 8
- Xí nghiệp công trình 9
- Xí nghiệp công trình 10

c. Công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	29.635.008.872	29.635.008.872	9.933.590.893	9.933.590.893
	17.109.484.775	17.109.484.775	3.375.551.769	3.375.551.769
	46.522.300	46.522.300	46.522.300	46.522.300
	6.856.183.462	6.856.183.462	3.330.330.499	3.330.330.499
	3.537.324.000	3.537.324.000	-	-
	2.085.494.335	2.085.494.335	3.181.186.325	3.181.186.325
	68.480.412.270	68.480.412.270	104.082.911.880	104.082.911.880
	4.787.236.206	4.787.236.206	5.952.907.820	5.952.907.820
	5.177.075.500	5.177.075.500	4.066.993.867	4.066.993.867
	3.840.169.421	3.840.169.421	8.821.263.350	8.821.263.350
	9.214.953.230	9.214.953.230	10.792.183.011	10.792.183.011
	5.308.307.842	5.308.307.842	14.166.915.491	14.166.915.491
	948.362.132	948.362.132	8.491.056.529	8.491.056.529
	9.779.831.590	9.779.831.590	28.158.825.374	28.158.825.374
	12.449.856.493	12.449.856.493	10.726.777.506	10.726.777.506
	12.951.637.909	12.951.637.909	12.905.988.932	12.905.988.932
	4.022.981.947	4.022.981.947	-	-
	4.320.529.731	4.320.529.731	5.888.507.332	5.888.507.332
	102.435.950.873	102.435.950.873	119.905.010.105	119.905.010.105

Cộng

10.2. Dài hạn

10.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

10.4. Phải trả người bán là các bên liên quan

: không phát sinh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Khoản mục	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	6.251.923.832	-	25.262.106.020	25.399.731.782	6.114.298.070	-
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	381.731.165	35.811.857.486	36.298.949.764	184.142.410	78.781.297
Thuế thu nhập doanh nghiệp	586.574.433	-	2.498.739.715	619.472.194	22.470.595	1.315.163.683
+ Công ty mẹ	569.110.690	-	2.471.031.734	586.757.361	-	1.315.163.683
+ Công ty con	17.463.743	-	27.707.981	32.714.833	22.470.595	-
Thuế thu nhập cá nhân	142.691.299	-	705.292.615	352.892.674	-	209.708.642
+ Công ty mẹ	137.478.775	-	693.831.174	350.410.865	-	205.941.534
+ Công ty con	5.212.524	-	11.461.441	2.481.809	-	3.767.108
Tiền thuế đất	407.421.560	-	599.874.080	447.356.520	254.904.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	41.470.230	41.470.230	-	-
Chi phí phạt khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	7.388.611.124	381.731.165	64.919.340.146	63.159.873.164	6.575.815.075	1.603.653.622

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

12 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
12.1. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	4.442.800	7.494.844
- BHXH, BHYT, BHTN	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	101.724.329.492	80.870.972.314
<i>Văn phòng</i>	<i>7.554.766.738</i>	<i>4.147.160.570</i>
+ Phòng kinh doanh	1.076.370.204	1.076.370.204
+ Phải trả Phòng quản lý chất lượng	52.208.924	50.474.484
+ XN công trình 7 - Nguyễn Xuân Khoa	1.805.064.585	1.336.089.647
+ Phải trả cổ tức cho cổ đông	3.788.767.750	198.573.750
+ Thuế TNCN	64.190.832	-
+ Khác	768.164.443	1.485.652.485
<i>Xí nghiệp</i>	<i>94.169.562.754</i>	<i>76.723.811.744</i>
+ Xí nghiệp công trình 1	22.722.424.177	21.354.661.523
+ Xí nghiệp công trình 2	8.341.446.685	13.482.508.483
+ Xí nghiệp công trình 3	633.120.095	633.120.095
+ Xí nghiệp công trình 4	29.910.083.023	25.213.696.858
+ Xí nghiệp công trình 5	332.233.461	380.166.749
+ Xí nghiệp công trình 6	3.179.511.825	199.844.545
+ Xí nghiệp công trình 7	18.790.347.106	4.889.069.775
+ Xí nghiệp công trình 8	3.017.248.421	8.298.898.622
+ Xí nghiệp công trình 9	5.933.956.291	2.271.845.094
+ Xí nghiệp công trình 10	1.309.191.670	-
Công ty con	8.136.651.780	7.899.581.560
Cộng	<u>109.865.424.072</u>	<u>88.778.048.718</u>

12.2. Dài hạn

12.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

13.1. Ngân hạn

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay tổ chức tín dụng	8.317.448.822	8.317.448.822	59.867.988.745	31.724.889.506	36.460.548.061	36.460.548.061
- Công ty mẹ						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM	8.317.448.822	8.317.448.822	59.867.988.745	31.724.889.506	36.460.548.061	36.460.548.061
b. Vay cá nhân	-	-	-	-	-	-
- Công ty con Ông Nguyễn Trọng Ngồn	-	-	-	-	-	-
Cộng	8.317.448.822	8.317.448.822	59.867.988.745	31.724.889.506	36.460.548.061	36.460.548.061

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số HĐ vay	Ngày HĐ vay	Mục đích	Hạn mức	Lãi suất (%/năm)	Số dư nợ tại ngày 31/12/2022	Hình thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM						
- 01/2022/94435/HĐTĐ	31/08/2021	Bổ sung vốn lưu động	350.000.000.000	Theo giải ngân	36.460.548.061	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn						
- 115985.23.201.3484956.TĐ	07/02/2023	Bổ sung vốn lưu động	415.000.000.000	Theo giải ngân	-	Theo quy định MB từng thời kỳ
Cộng			765.000.000.000		36.460.548.061	

13.2. Dài hạn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	91.000.000.000	-	2.028.139.464	2.443.493.745	7.757.403.590	103.229.036.799
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	29.230.675	9.874.019.026	9.903.249.701
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh tăng do hợp nhất	-	-	-	175.000.000	-	175.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	591.521.840	-	(591.521.840)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi	-	-	-	-	(2.366.087.359)	(2.366.087.359)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2020	-	-	-	-	(5.005.000.000)	(5.005.000.000)
- Điều chỉnh giảm do hợp nhất	-	-	-	-	(175.000.000)	(175.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	91.000.000.000	-	2.619.661.304	2.647.724.420	9.493.813.417	105.761.199.141
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	6.990.407	9.388.863.803	9.395.854.210
- Tăng khác	-	-	-	-	59.896.483	59.896.483
- Điều chỉnh tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	493.900.071	-	(493.900.071)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi	-	-	-	-	(1.481.700.212)	(1.481.700.212)
- Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(7.735.000.000)	(7.735.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2022	-	-	-	-	(3.640.000.000)	(3.640.000.000)
- Điều chỉnh giảm do hợp nhất	-	-	-	(14.340.803)	(26.632.917)	(40.973.720)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	91.000.000.000	-	3.113.561.375	2.640.374.024	5.565.340.503	102.319.275.902

(*) Điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 30/09/2022.

(**) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 41/NQ-CTCP-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022, tỷ lệ cổ tức là 8,5%.

(***) Theo Nghị quyết số 105NQ-CTCP-ĐHĐQT ngày 25/11/2022 về việc tạm ứng cổ tức năm 2022 tỷ lệ 4%.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số lượng CP	Giá trị vốn
Cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn (*)			
+ Cty Đầu Tư Tài Chính Nhà nước - HFIC	40,00%	3.640.000	36.400.000.000
+ Lê Hữu Châu	8,71%	793.000	7.930.000.000
+ Tạ Thị Hồng Tâm	7,69%	700.000	7.000.000.000
+ Huỳnh Bá Lân	10,59%	963.900	9.639.000.000
+ Hoàng Mạnh Hào	11,07%	1.007.200	10.072.000.000
+ Cổ đông khác	21,93%	1.995.900	19.959.000.000
Cộng	100,00%	9.100.000	91.000.000.000

Ghi chú (*): Theo Công văn số 14/CTCP ngày 10/01/2023 của CTCP Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	91.000.000.000	91.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	91.000.000.000	91.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	11.375.000.000	7.735.000.000

c. Cổ phiếu"

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000

d. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		8,5%

15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

15.1. Tài sản nhận giữ hộ	không phát sinh
15.2. Ngoại tệ các loại	không phát sinh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hoạt động xây lắp	442.730.565.698	384.659.951.886
- Doanh thu khác	820.519.297	687.274.504
Cộng	443.551.084.995	385.347.226.390

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hoạt động xây lắp	409.252.691.125	350.198.432.015
- Giá vốn khác	772.809.537	624.779.062
Cộng	410.025.500.662	350.823.211.077

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	929.692.787	962.087.953
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	929.692.787	962.087.953

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.473.111.788	1.228.189.243
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	1.473.111.788	1.228.189.243

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác	24.432.384	-
Cộng	24.432.384	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

6 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Phạt chậm nộp	-	747.072
- Chi phí khác	29.567.316	-
Cộng	29.567.316	747.072

7 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
7.1. Chi phí bán hàng		
7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí đồ dùng văn phòng	231.975.655	398.930.107
- Chi phí nhân viên quản lý	9.529.277.933	11.383.973.057
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.602.348.633	3.323.848.972
- Thuế, phí, lệ phí	717.247.108	785.044.108
- Chi phí dự phòng	-	360.384.636
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.811.697.302	4.482.444.615
- Chi phí khác bằng tiền	1.271.265.175	1.028.635.852
Cộng	21.163.811.806	21.763.261.347

8 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	9.388.863.803	9.874.019.026
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	-	1.481.700.212
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.100.000	9.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.032	922

(*) Hồi tố chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
Không phát sinh.

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không phát sinh.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường :	59.867.988.745	39.532.870.339

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường :	31.724.889.506	67.720.710.273

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
3. Thông tin về các bên liên quan có phát sinh giao dịch chủ yếu trong năm

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)	Cổ đông lớn 40%

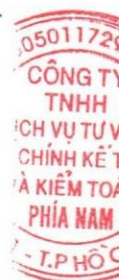
3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)		
+ Trả cổ tức	3.094.000.000	3.640.000.000
+ Thanh toán cổ tức	3.094.000.000	-
+ Tạm ứng cổ tức	1.456.000.000	-
- Tại ngày kết thúc niên độ, công nợ giữa Công ty với các Bên có liên quan.		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)		
+ Phải trả cổ tức	1.456.000.000	-

4. Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác như sau:

Chức danh	Năm nay
Hội đồng quản trị	
+ Ông. Trần Minh Trung Chủ tịch	377.000.000
+ Ông. Lê Hữu Châu Thành viên	60.000.000
+ Bà. Tạ Thị Hồng Tâm Thành viên	65.000.000
+ Ông. Nguyễn Quang Huy Thành viên	67.000.000
+ Bà. Nguyễn Thị Quỳnh Anh Thành viên	65.000.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.	
+ Ông. Lê Hữu Châu Tổng Giám đốc	332.000.000
+ Ông. Vũ Tiến Đạt Phó Tổng Giám đốc	272.400.000
+ Ông. Phạm Ngọc Thành Phó Tổng Giám đốc	272.400.000
+ Ông. Nguyễn Quang Huy Phó Tổng Giám đốc	20.700.000
+ Bà. Lê Nga Phương Kế toán trưởng	262.000.000
Ban Kiểm soát	
+ Ông. Lê Mạnh Thư Trưởng ban	325.000.000
+ Ông. Trần Thái Phương Thành viên	39.000.000
+ Ông. Trịnh Lê Quang Vinh Thành viên	39.000.000
Người phụ trách quản trị	
+ Ông. Dương Đắc Chí	65.000.000
Cộng	2.261.500.000

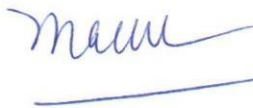


BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

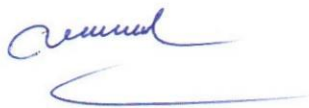
5. Số lượng Cán bộ công nhân viên tại công ty : 340 người
6. Thông tin về hoạt động liên tục
Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.
7. Số liệu so sánh
Số liệu so sánh được trình bày trên là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu